

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 134/2021/HS-ST
Ngày 19-11-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Xuân Tỉnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Nhật Chiến;

Ông Trịnh Tuấn Sỹ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hữu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 132/2021/TLST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. **Chu Văn N**, sinh ngày 13-7-1998 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số K/K1, đường Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Văn H (đã chết) và bà Đinh Kim L, sinh năm 1968; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, chưa bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06-7-2021 đến nay; có mặt.

2. **Dương Ngọc T**, sinh ngày 15-02-1998 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ngõ B, đường N, tổ C, khối C1, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn P (đã chết) và bà Dương Thị X (đã chết); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, chưa bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02-10-2021 đến nay; có mặt.

- Bị hại: Anh Hoàng Hữu V, sinh năm 1985; nơi cư trú: Số P/P1, đường

B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Lê Kim P, sinh năm 1990; nơi cư trú: Số K/K1 đường Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Tô Thanh B, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 02-7-2021, anh Hoàng Hữu V, sinh năm 1985, trú tại số P/P1, đường B, phường Đ, thành phố L, có treo 01 lồng chim bằng tre bên trong có 01 con chim họa mi màu nâu trên cây sấu trước quán trà đá đầu ngõ G đường B, phường Đ, thành phố Lạng Sơn rồi nhờ chủ quán nước là anh Tô Thanh B, sinh năm 1992, trú tại Tổ F, khối E, phường Đ, thành phố L, đề ý giúp, còn anh Hoàng Hữu V đi về nhà.

Khoảng 14 giờ 10 phút ngày 02-7-2021, bị cáo Chu Văn N điều khiển xe mô tô Honda Ware màu đen biển kiểm soát 12P1-081.06 chở bị cáo Dương Ngọc T đến quán trà đá đầu ngõ G, đường B để uống nước. Khi ngồi uống nước Chu Văn N nhìn thấy lồng chim, bên trong có 01 con chim họa mi màu nâu treo trên cây sấu trước quán trà đá đã nảy sinh ý định chiếm đoạt. Chu Văn N rủ Dương Ngọc T cùng trộm cắp và được T đồng ý. Uống nước xong Chu Văn N điều khiển xe mô tô chở Dương Ngọc T đi lại xung quanh khu vực quán nước, chờ đến khi không có ai trông giữ thì Chu Văn N điều khiển xe mô tô đi vào nơi có tài sản để trộm cắp, sau đó Chu Văn N xuống xe và đưa xe cho Dương Ngọc T điều khiển rồi đi bộ ra lấy chiếc lồng và con chim. Còn Dương Ngọc T điều khiển xe mô tô đi từ từ theo sau chờ khi Chu Văn N lấy trộm lồng và con chim xong, Dương Ngọc T chở Chu Văn N đi về nhà mình, còn một mình Chu Văn N điều khiển xe mô tô mang lồng và chim về nhà mình cất giữ.

Sau khi bị mất tài sản, anh Hoàng Hữu V trình báo công an, đề nghị giải quyết. Đối với Chu Văn N, sau khi trộm cắp tài sản, ngày 06-7-2021 tự đến công an thành phố đầu thú và giao nộp 01 con chim họa mi màu nâu và 01 lồng bằng tre có móc treo bằng kim loại và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Còn Dương Ngọc T, sau khi cùng Chu Văn N trộm cắp tài sản, đi làm thuê tại tỉnh Bắc Giang, sau đó được gia đình thông tin, đến ngày 02-10-2021, Dương Ngọc T đến Cơ quan điều tra đầu thú, thừa nhận cùng Chu Văn N trộm cắp tài sản như nêu trên.

Tại Biên bản định giá tài sản tố tụng hình sự số 77 ngày 06-7-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Lạng Sơn, kết luận: 01 con chim họa mi màu nâu trị giá 2.200.000 đồng, 01 lồng chim bằng tre có móc treo kim loại trị giá 300.000 đồng, tổng trị giá 2.500.000 đồng.

Tại cáo trạng số 133/CT-VKS ngày 27-10-2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn truy tố ra trước Tòa án nhân dân thành

phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn để xét xử đối với các bị cáo Chu Văn N, Dương Ngọc T về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bị hại anh Hoàng Hữu V vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại đơn xin xét xử vắng mặt và các lời khai tại cơ quan điều tra, anh Hoàng Hữu V trình bày đã nhận lại được tài sản là 01 con chim họa mi màu nâu và chiếc lồng tre có móc treo bằng kim loại; không bị thiệt hại gì, do vậy không có yêu cầu bồi thường. Đề nghị Tòa án khi xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Đối với chị Lê Kim P và anh Tô Thanh B, đều vắng mặt tại phiên tòa. Nhưng đã có lời khai trong hồ sơ. Thể hiện anh Tô Thanh B có biết việc anh Hoàng Hữu V bị mất tài sản như trên là đúng; còn chị Lê Kim P là chị gái Chu Văn N, là chủ sở hữu xe mô tô Honda Ware màu đen biển kiểm soát 12P1-081.06 khai nhận do Chu Văn N tự ý lấy xe chị không biết; xe mô tô này chị mua và đứng tên chủ sở hữu để làm phương tiện đi lại, nay công an đã trả lại xe, chị không có ý kiến đề nghị gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn luận tội và khẳng định có đủ căn cứ xác định hai bị cáo có hành vi trộm cắp tài sản, có trị giá 2.500.000đồng. Do vậy đề nghị hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Chu Văn N, Dương Ngọc T phạm tội Trộm cắp tài sản; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 là những tình tiết giảm nhẹ và áp dụng Điều 38, Điều 54, Điều 58 đề nghị xử phạt bị cáo Chu Văn N từ 5 đến 6 tháng tù; xử phạt bị cáo Dương Ngọc T từ 4 đến 5 tháng tù. Về hình phạt bổ sung, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, do các bị cáo không có việc làm, không có tài sản riêng. Về phần dân sự bị hại không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết; các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, đều thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố. Lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự, các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tố tụng, tại phiên tòa vắng mặt bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và các đương sự đã có lời khai trong hồ sơ, việc xét xử vắng mặt không ảnh hưởng đến nội dung vụ án, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiến hành xét xử vắng mặt là có căn cứ, đúng quy định.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án; phù hợp với trị giá chiếm đoạt. Cụ thể, ngày 02-7-2021 tại quán trà đá đầu ngõ G đường B, phường Đ, thành phố L, các bị cáo Chu Văn N và Dương Ngọc T đã cùng nhau có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 con chim họa mi lông màu nâu và chiếc lồng tre có móc treo bằng kim loại, tổng trị giá theo kết luận định giá là 2.500.000 đồng. Do vậy, đã đủ cơ sở kết luận, các bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, quy định có trị giá tài sản bị chiếm đoạt từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Trộm cắp tài sản. Nên Cáo trạng truy tố các bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

[4] Các bị cáo là người có năng lực hành vi, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; tự nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội, xâm phạm tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Khi phạm tội cùng nhau thực hiện, nên thuộc trường hợp đồng phạm có tính chất giản đơn, trong đó bị cáo Chu Văn N là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi, bị cáo Dương Ngọc T là đồng phạm giúp sức. Do vậy về vai trò, mức độ phạm tội bị cáo Chu Văn N có vai trò, mức độ phạm tội cao hơn so với bị cáo Dương Ngọc T.

[5] Xét về nhân thân; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về tình tiết giảm nhẹ, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã tới Cơ quan điều tra đầu thú; tài sản chiếm đoạt đã tự giao nộp để trả lại cho bị hại, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Về nhân thân, các bị cáo tuổi đời còn trẻ, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, xác định trước khi phạm tội này có nhân thân tốt. Do đó, khi lượng hình cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Từ những nhận định, phân tích nêu, Hội đồng xét xử thấy: Trị giá tài sản chiếm đoạt không lớn; hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, sau khi phạm tội tỏ rõ sự ăn năn, hối cải. Về mức hình phạt, đối với bị cáo Chu Văn N, xử phạt ở mức thấp của khung hình phạt, còn đối với bị cáo Dương Ngọc T phạm tội với vai trò giúp sức nên áp dụng khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự

xử phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp, để các bị cáo có thời gian yên tâm cải tạo, sớm trở lại với gia đình và trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung, xét thấy các bị cáo không có việc làm, thu nhập và không có tài sản riêng để bảo đảm việc thi hành án. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về dân sự: Bị hại đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu bồi thường gì. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về vật chứng: Cơ quan điều tra Công an thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã trả lại chiếc xe mô tô bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Lê Kim P, do chị Lê Kim P không biết, không có lỗi là đúng, phù hợp với quy định pháp luật.

[10] Về đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa xử phạt các bị cáo và xử lý toàn bộ vụ án là đúng quy định pháp luật và phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử. Nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 136, 61, 62, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo Chu Văn N, Dương Ngọc T là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước; các bị cáo, đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Riêng bị cáo Dương Ngọc T được áp dụng thêm khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Chu Văn N và Dương Ngọc T phạm tội Trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Chu Văn N 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 06 tháng 7 năm 2021.

Xử phạt bị cáo Dương Ngọc T 04 (bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 02 tháng 10 năm 2021.

2. Về án phí: Buộc các bị cáo Chu Văn N, Dương Ngọc T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày

kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn;
- Công an thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an thành phố Lạng Sơn;
- Chi cục THA dân sự thành phố Lạng Sơn;
- Các bị cáo:
- Các đương sự:
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Xuân Tĩnh